

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ
.....*****.....

Phần mở đầu

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005

- Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty cổ phần.

- Thực hiện Quyết định số 1069/QĐ-UB ngày 5 tháng 4 năm 2005 của UBND tỉnh TT Huế về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp DNNN năm 2005.

- Thực hiện Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2005 của UBND tỉnh TT Huế về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Xây dựng - Giao thông TT Huế.

Điều lệ này của Công ty cổ phần xây dựng giao thông T T Huế là cơ sở pháp lý cho các cổ đông của Công ty được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ được đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua hợp lệ tại phiên họp, tổ chức vào ngày 16 tháng 1 năm 2006.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần 04 và thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, tổ chức chính thức vào ngày 26 tháng 05 năm 2012.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần 05 và thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, tổ chức chính thức vào ngày 09 tháng 05 năm 2014.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần 07 và thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức ngày ngày 09 tháng 05 năm 2015.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định đây:
 - a. “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty.
 - b. “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại khoản Điều 8 Điều lệ này.
 - c. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. “Cán bộ quản lý” có nghĩa là Tổng giám đốc điều hành, phó tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm cán bộ quản lý của Công ty.
 - e. “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định theo Luật doanh nghiệp.
 - f. “Cổ đông” có nghĩa là mọi thể nhân, tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
 - g. “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty được quy định tại khoản 3 Điều 4 Điều lệ này.
 - h. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - i. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành có hiệu lực.
2. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

Chương II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên và hình thức Công ty

1. Tên Công ty:
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ
Tên giao dịch tiếng Anh:
**THUA THIEN HUE CONSTRUCTION-TRANSPORTATION JOINT- STOCK
COMPANY**
Tên gọi tắt : HCTC

Lô gô Công ty:



2. Hình thức pháp lý:

Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT Huế là Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần. Công ty được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp.

Điều 3: Trụ sở, chi nhánh và địa bàn hoạt động

1. Trụ sở chính của Công ty : Lô 77, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành Phố Huế, Thừa Thiên Huế.
Điện thoại: 054.3823865; 054.3812849; Số Fax: 054.3823486

2. Công ty có chi nhánh đặt tại số 7 đường Nguyễn Huệ - thị xã Đông Hà - tỉnh Quảng Trị.

- Số điện thoại: 053.3857439; Fax: 053.3859609

3. Địa bàn hoạt động: Trong và ngoài nước Cộng hoà XHCN Việt Nam

Điều 4: Tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông TT Huế có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam:

2. Đại diện pháp nhân: Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng giám đốc Công ty.

3. Thời hạn hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông TT Huế là vĩnh viễn kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngoại trừ trường hợp phải giải thể hoặc việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 5: Mục tiêu, ngành nghề, phạm vi kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu:

Công ty thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa. Tạo công ăn việc làm ổn định với thu nhập ngày càng cao cho người lao động. Tăng lợi tức cho cổ đông. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh phù hợp với định hướng của Công ty.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

- Xây dựng, sửa chữa, tư vấn, khảo sát và thiết kế các loại công trình giao thông.
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thuỷ lợi.
- Khai thác đá; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản phi quặng, vật liệu xây dựng, khai hoang đồng ruộng và san lấp mặt bằng hạ tầng đô thị.
- Sản xuất, kinh doanh cấu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm.
- Gia công sửa chữa phương tiện vận tải, xe máy thi công.
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.
- Kinh doanh xăng dầu, cung ứng phương tiện vật tư, thiết bị, phụ tùng giao thông vận tải.
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hoá bằng đường bộ, đại lý vận tải.
- Thi công lưới điện hạ thế; Thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

a. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này. Thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

b. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

4. Nếu bất kỳ mục tiêu, ngành nghề nào trong số những mục tiêu, ngành nghề trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu, ngành nghề đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và điều hành Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để điều hành Công ty giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm tra mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

4. Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc.

Điều 7: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty

Các tổ chức: Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông TT Huế tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

Chương III VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Mục 1 VỐN

Điều 8: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là tổng số vốn do các cổ đông đóng góp và được ghi vào Bản điều lệ Công ty .

2. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, trường hợp góp vốn bằng ngoại tệ hoặc bằng hiện vật thì thống nhất định giá bằng Việt Nam đồng.

3. Vốn điều lệ của Công ty là: 27.355.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

4. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào các mục đích sau:

- Mua tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

- Phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ công nghệ.

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn kinh doanh.

- Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.

- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

6. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác nhưng không trái với pháp luật hiện hành.

7. Phương pháp tăng vốn:

- Tái đầu tư một phần hay toàn bộ lợi nhuận.

- Gọi thêm vốn cổ đông bằng cách phát hành thêm cổ phiếu mới.

- Chuyển các quỹ dự trữ, quỹ trích lũy thành vốn Điều lệ.

Mục 2 CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 9: Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần Nhà nước. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu.

2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.735.500 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật.

Điều 10 : Hình thức cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu của Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và được đóng dấu của Công ty.

3. Công ty Cổ phần Xây dựng-Giao thông Thừa Thiên Huế phát hành hai loại cổ phiếu:

a/ Cổ phiếu ghi tên :

- Là cổ phiếu của các chủ sở hữu: thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và những cổ đông khác có nhu cầu.

- Mỗi cổ phiếu ghi tên phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu.

b/ Cổ phiếu không ghi tên: Là các loại cổ phiếu sau :

- Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là đối tượng được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này .

- Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng thêm vốn Điều lệ .

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới nhiều hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả chi phí do Công ty quy định.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ đông muốn bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty.

1. Tác cả các cổ phần đều có thể tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có quy định khác.

2. “Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng. Chỉ được chuyển nhượng sau khi thôi thành viên Hội đồng quản trị 02 năm hoặc được đại hội đồng cổ đông đồng ý”.

3. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.

Điều 12: Thừa kế cổ phần

Cổ đông có quyền để thừa kế cổ phần của mình theo luật định.

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu cổ phần của người đã mất:

- Người thừa kế duy nhất theo luật định.

- Trong trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật

2. Cổ phần của tập thể có cử người đại diện thì việc thừa kế do tập thể có cổ phần quyết định.

- Vì lý do nào đó mà tập thể có cổ phần tại Công ty, thấy cần thiết thay thế người đại diện thì phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty xem xét vào kỳ họp gần nhất.

Điều 13: Phát hành cổ phiếu

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đầy đủ các nội dung theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

3. Điều kiện phát hành cổ phiếu. Phải có chương trình và kế hoạch cụ thể công khai gọi vốn trong công chúng. Chương trình và kế hoạch này phải đảm bảo cho mọi

người quan tâm hiểu rõ, hiểu đúng kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, triển vọng phát triển của Công ty để họ có cơ sở quyết định mua cổ phiếu.

Điều 14: Thu hồi cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền phải trả do mua cổ phần theo quy định, thì Hội đồng Quản trị phải gửi một thông báo cho cổ đông biết vào bất kỳ lúc nào, để yêu cầu thanh toán số tiền cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho Công ty.

2. Thông báo nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (Tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi, mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây :

a. Một cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho bất kỳ người nào theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị nhận thấy là phù hợp.

b. Một cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng thương mại và quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp.

c. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Mục 3 CỔ ĐÔNG

Điều 15: Quy định chung về của cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những người hay tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu tại Công ty.

a. Đối với các tổ chức khác, người đại diện cổ đông tại Công ty cổ phần là người đại diện hợp pháp của tổ chức đó.

b. Người đại diện nêu tại điểm a điều này có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện tại Công ty. Những người được uỷ quyền làm đại diện cho pháp nhân, tổ chức tại Công ty không được uỷ quyền lại cho người khác.

c. Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.

d. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trong trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

e. Trong trường hợp một số cổ đông mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa uỷ quyền nghĩa vụ của tổ chức, thì cổ đông tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất và thừa kế để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người làm đại diện theo pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp, nếu cổ đông là cá nhân bị chết thì phần vốn góp được giao cho người thừa kế, cổ đông bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người giám hộ sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ cho cổ đông này; nếu là tổ chức bị giải thể thì phần vốn góp đó được chuyển nhượng.

Điều 16 : Quyền lợi của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền :

a. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Kiểm soát viên về hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

d. Được mua, bán, chuyển nhượng hoặc thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật.

e. Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh hết các khoản nợ cho chủ nợ và cổ đông ưu đãi.

f. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp được quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

g. Cổ đông của Công ty được tham dự Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được uỷ quyền.

h. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng thì có quyền:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:

- Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính.

- Có dấu hiệu bất thường trong hoạt động kinh doanh.

- Có dấu hiệu tham nhũng hay cố ý gây thiệt hại cho Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên.

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 86 Luật doanh nghiệp; ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty, được yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông. Ngoại trừ những bí mật về kinh doanh của Công ty bao gồm: thủ thuật marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh ...

4. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17 : Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty .

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

4. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào; trừ trường hợp Công ty giải thể.

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

Điều 18: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương IV QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Mục 1 QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 19: Quyền quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai, tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

2. Tổ chức bộ máy quản lý, sắp xếp các đơn vị sản xuất và nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty nhằm phát huy hết tiềm năng lao động trong Công ty để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết với các khách hàng trong và ngoài nước theo yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định Pháp luật Việt Nam.

5. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, sản phẩm và dịch vụ khác. Trừ mặt hàng và dịch vụ do Nhà nước định giá.

6. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: Các sáng chế, giải pháp hữu ích trong sản xuất, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

7. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ đông, mua cổ phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của bộ Luật lao động và các quy định khác của pháp luật.

9. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác học tập nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác, phát triển của Công ty và các quy định của Nhà nước.

Điều 20 : Quyền quản lý tài chính của Công ty

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển.

2. Nhượng bán, cho thuê, thanh lý những tài sản không dùng hoặc không dùng hết công suất.

3. Phát hành, chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật. Được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của Công ty tại các Ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Mục 2 NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 21: Nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế.

4. Thực hiện nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động. Bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các quy định về phòng chống cháy nổ và các quy định khác.

6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật về Kế toán - Thống kê; báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo.

7. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền .

Điều 22 : Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ. Hạch toán Kế toán- Thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp trong các hoạt động tài chính của Công ty.

2. Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ tài chính của Công ty Xây dựng - Giao thông TT Huế tại thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT Huế.

4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 23 : Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

Mục 1

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24 : Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần .

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Đại hội đồng cổ đông thường niên họp ít nhất mỗi năm 01 lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong khoản thời gian 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường.

- a. Lý do triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc triệu tập là cần thiết nếu các Kiểm toán viên độc lập nhận thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng cũng nhận thấy như vậy.

- Bảng cân đối kế toán hằng năm, báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một phần tư (1/4 vốn Điều lệ).

- Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan.

- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

- b. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu của một hoặc một nhóm người sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng quản trị.
- Trưởng ban Kiểm soát hoặc 02 Kiểm soát viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30, ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại Điểm b khoản 2 Điều này.

- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp.

- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được quyền trực tiếp triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.

Điều 25 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo tài chính hằng năm; Trích, lập, sử dụng các quỹ;
- d. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển của Công ty;
- e. Báo cáo của Kiểm toán viên.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Phê chuẩn báo cáo tài chính hằng năm;
- b. Mức cổ tức được thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- e. Bầu, miễn, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ phát hành cho mỗi loại và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên, kể từ ngày thành lập;
- i. Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty.
- k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- l. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- m. Quyết định các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và Pháp luật hiện hành.

Điều 26: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp bằng thư, hoặc Fax đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc.

2. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định và địa điểm họp .

Điều 27: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít 75% số cổ phần có quyền biểu quyết .

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 điều này, trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì Đại hội phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo giấy mời họp theo quy định tại khoản 2 điều 26 của Điều lệ này.

5. Đại hội thường niên hoặc bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ nhiệm cho phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc uỷ viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa (khi phó Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt). Đại hội bầu thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

6. Biên bản Đại hội đồng cổ đông ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.

7. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

8. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện .

9. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

10. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành trước, thu thẻ không tán thành sau đó. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành một hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi việc kiểm phiếu được tiến hành xong. Đại hội bầu Ban kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu trong số các đại biểu tham dự đại hội, nếu đại hội không bầu thì chủ tọa sẽ cử những người đó.

11. Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ làm các thủ tục đăng ký tham dự đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

12. Không cần lấy ý kiến của đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a. Các thành viên tham dự không có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
- b. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
- c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;

Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa đại hội có thể trì hoãn đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

13. Chủ tọa hoặc thư ký của đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để tiến hành Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

Điều 28 : Việc uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được uỷ quyền cho đại diện thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông, người được uỷ quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông với tư cách cá nhân.

2. Người đại diện không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Việc uỷ quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được uỷ quyền phải trình cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc.

4. Trong trường hợp bên uỷ quyền là pháp nhân hoặc tổ chức thì văn bản uỷ quyền phải được đại diện hợp pháp của pháp nhân hoặc tổ chức đó ký, đóng dấu.

5. Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần, người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

6. Người uỷ quyền có thể thu hồi sự uỷ quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị.

Điều 29: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi :

a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty; Bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận;

3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

5. Quyết định được thông qua của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt và bất đồng ý kiến.

Mục 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30: Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn, bãi nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản trị được trúng cử với đa số phiếu tính theo thứ tự từ cao đến thấp bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể tăng hoặc giảm do Đại hội đồng cổ đông quyết định .

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

Điều 31: Điều kiện đề cử, ứng cử và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Điều kiện đề cử, ứng cử:

Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử ứng viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến 16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 16% đến 26% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

- c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 26% đến 36% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 36% đến 46% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 46% đến 56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- f) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 56% đến 66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 66% đến 76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 76% đến 86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;
- i) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 86% đến 96% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa chín ứng cử viên;
- j) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 96% đến 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa mười một ứng cử viên;

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất Công ty;
- c. Có trình độ học vấn, năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;
- e. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 32 : Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- Chết, mất tích, mất trí, bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc mất quyền công dân.
- Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị.
- Vi phạm Pháp luật, Điều lệ của Công ty bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm.

Điều 33: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT Huế quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị từ 20% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật.

b. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác.

c. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng bán số tài sản có giá trị từ 20% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Thông qua hợp đồng mua, vay, cho vay

và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty.

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

- Quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó;
- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trong Ban tổng giám đốc phải theo đúng quy định của pháp luật.

- Riêng bổ nhiệm Kế toán trưởng phải theo tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng được quy định tại điều 53 Luật kế toán;

- Quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.

e. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

f. Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty; Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

g. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

h. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.

i. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông.

k. Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông các công việc sau đây:

- Mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Phương án sử dụng lợi nhuận của Công ty.

- Các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Điều chỉnh vốn Điều lệ Công ty; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty.

- Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

- Thực hiện các chương trình về quan hệ hợp tác quốc tế.

l. Chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc và các chức danh do Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý.

m. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật.

n. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.

3. Khi thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình, Hội đồng phải tuân theo Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp, Hội đồng ra quyết định trái với Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên thông qua quyết định đó thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra (trừ trường hợp khách quan). Nếu thành viên nào phản đối việc thông qua quyết định đó thì được bảo lưu ý kiến trong biên bản họp và miễn trừ trách nhiệm.

4. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị: Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 34 : Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ được quy định như sau:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác.
- d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
- f. Thông qua họp đồng bán số tài sản có giá trị dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán
- g. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 35: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch giải quyết các công việc khi được uỷ quyền và không được uỷ quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
- Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những việc làm của mình.

Điều 36 : Hoạt động Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến.

2. Các cuộc họp bất thường:

a. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần giải quyết.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ít nhất 3/4 thành viên Hội đồng quản trị .
- Trưởng ban Kiểm soát.
- Tổng giám đốc.

b. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 02 tuần, kể từ khi có văn bản đề nghị họp. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì các đối tượng mong muốn tổ chức cuộc họp được quy định tại điểm a khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập cuộc họp.

c. Thông báo và chương trình họp: Thông báo phải có thời gian, địa điểm, chương trình họp, tài liệu và gửi trước 03 ngày, kể từ ngày tổ chức.

3. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Cuộc họp Hội đồng quản trị họp lệ khi có từ 3/4 thành viên trở lên tham dự.

- Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch là quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc những người liên quan có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích Công ty.

- Một thành viên sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ nghị quyết nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

4. Thành viên của Hội đồng vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì phải gửi cho thư ký ít nhất là trước thời điểm dự kiến họp 01 giờ đồng hồ.

5. Các biên bản của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải ghi biên bản và phải được thông qua các thành viên tham dự với đủ các chữ ký.

6. Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác hoặc chuyên gia của một bên thứ ba có thể được dự họp dự thỉnh Hội đồng theo lời mời họp của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

Điều 37 : Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cố đồng pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức vụ Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời gian 60 ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thì Phó chủ tịch lên thay; Phó chủ tịch đương nhiệm mất tư cách thì Hội đồng quản trị cử người thay thế và đảm nhiệm chức vụ của Chủ tịch cho đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu cử bổ sung. Trường hợp dưới 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị, thì đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu bổ sung.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 38 : Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm điều hành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Ban Tổng giám đốc.
- Các phòng tham mưu.
- Các đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc.

Điều 39 : Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm không nhất thiết là cổ đông hoặc có thể là thành viên Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ 05 năm.

2. Giúp việc Tổng giám đốc có phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 40 : Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

1. Có trình độ học vấn là tốt nghiệp đại học trở lên am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty.
2. Có phẩm chất chính trị vững vàng, có đủ kiến thức và kinh nghiệm để quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.
3. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.
4. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 41 : Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.
2. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch hàng năm và kế hoạch trung hạn, dài hạn.
3. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
4. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.
5. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
6. Bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông.
7. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty khi được Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản.
9. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy không phù hợp Pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm soát.
10. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, lương, phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên chức dưới quyền, trừ các chức danh thuộc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Trước khi ký quyết định phải có ý kiến của Hội đồng quản trị.
11. Tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp theo quy định của Hội đồng quản trị và Pháp luật về lao động.
12. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
13. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, dịch hoặ, hoả hoạn ... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết.
14. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty.
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 42 : Uỷ quyền - uỷ nhiệm

1. Tổng giám đốc Công ty có thể uỷ nhiệm cho các phó tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình.
2. Người được Tổng giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

3. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

4. Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể uỷ quyền, uỷ nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình.

Điều 43 : Các trường hợp mất tư cách

1. Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Tổng giám đốc gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Chết, mất tích, mất trí, bị pháp luật cấm không được làm Tổng giám đốc Công ty hoặc mất quyền công dân.

- Không hoàn thành nhiệm vụ.

- Tự ý bỏ nhiệm sở.

- Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước hoặc có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty.

2. Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị tạm cử người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 44: Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định Pháp luật về lao động hiện hành.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Làm biên bản các cuộc họp;

- Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

- Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Quyền lợi của Thư ký Công ty: Thù lao của Thư ký Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Mục 4 BAN KIỂM SOÁT

Điều 45: Ban kiểm soát

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành của Công ty.

2. Ban kiểm soát có 3 thành viên, trong đó ít nhất phải có một thành viên có chuyên môn về kế toán do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

3. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban.

4. Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập, Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.

5. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng mỗi năm không được họp ít hơn 03 lần và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 02 người.

Điều 46: Điều kiện đề cử, ứng cử và tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến 35% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để

bầu vào Ban kiểm soát; Nếu sở hữu trên 35% đến 70% thì họ được đề cử 02 thành viên; Nếu sở hữu trên 70% đến 100% thì họ được đề cử 03 thành viên.

2. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

- Kiểm soát viên phải là cổ đông;
- Cổ đông sở hữu số cổ phần từ 3.000 cổ phần trở lên;
- Kiểm soát viên phải có trình độ Đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
- Có phẩm chất chính trị vững vàng, có đủ kiến thức và kinh nghiệm để kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, hiểu biết pháp luật.

3. Kiểm soát viên không được là:

- a. Thành viên của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
- b. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty như: Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột .
- c. Các trường hợp khác được quy định theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 47: Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể kéo dài tối đa thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng (nếu có).

2. Trong nhiệm kỳ, kiểm soát viên có khuyết điểm thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp bỏ phiếu kín.

Điều 48: Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách Kiểm soát viên

1. Trưởng ban Kiểm soát muốn từ chức, kiểm soát viên từ nhiệm đều phải làm đơn gửi đến trụ sở chính Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị mất tư cách trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được 2/3 số thành viên Ban kiểm soát chấp thuận.
- Chết, mất tích, mất trí, bị pháp luật cấm không được làm thành viên Ban kiểm soát Công ty hoặc mất quyền công dân.
- Kiểm soát viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong suốt thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát.
- Vi phạm Pháp luật, Điều lệ của Công ty bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm.

3. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban Kiểm soát thì số Kiểm soát viên còn lại cử người thay thế.

4. Trường hợp khuyết quá 1/3 số Kiểm soát viên hoặc những Kiểm soát viên còn lại không có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

Điều 49: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau

a. Được hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề khác có liên quan .

b. Tham luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

c. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

d. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng trước trình các báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

e. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty; Tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá, kết luận và báo cáo của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông.

f. Được quyền yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh thực hiện các quy chế của Công ty;

g. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, được phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với ý kiến của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.

2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm:

- Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo sau khi đã tham ý kiến Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

3. Quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát: Thù lao của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Chương VI

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 50: Chế độ và quyền lợi của người lao động

Mọi chế độ và quyền lợi của người lao động được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VII

NĂM TÀI CHÍNH, LẬP QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 51: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Hệ thống kế toán:

Hệ thống kế toán của Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam hiện hành.

Điều 52: Lập và trích các loại quỹ

Tùy theo kết quả SXKD hàng năm, việc trích, lập các quỹ do HĐQT trình ĐH ĐCĐ quyết định và được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành”

Điều 53: Trả cổ tức

1. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Điều 54: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp :

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định biện pháp khắc phục.

Chương VIII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55: Kiểm toán.

1. Tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm. Một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có thể được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. (Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng có thể chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán sau khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

2. Công ty phải gửi báo cáo kế toán hằng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hằng năm cho biết các khoản thu, chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình bày báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể được mời tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông, được nhận các thông báo, các thông tin khác và được quyền phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến kiểm toán.

Chương IX QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU

Điều 56 : Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công An trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công An có thẩm quyền.

2. Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương X CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty Cổ phần Xây dựng - Giao thông TT Huế có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a. Trường hợp Công ty bị thua lỗ 3/4 vốn Điều lệ, mọi cổ đông có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định giải thể Công ty.

b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu là 03 cổ đông trong thời hạn 06 tháng liên tục.

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

e. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 58: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Khi các cổ đông nắm giữ hơn một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ, hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 59: Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với Công ty, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong Hội đồng thanh lý phải có đại diện của một Công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Hội đồng thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Hội đồng thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý trước Toà án và các cơ quan hành chính khác.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và các chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên;

c. Các khoản nợ khác của Công ty

4. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều này sẽ được phân chia cho các cổ đông.

5. Trong thời hạn thanh lý, Hội đồng thanh lý và ban Kiểm soát có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 60: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, liên quan tới cổ đông phát sinh từ Điều lệ Công ty hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay Luật khác hoặc các quy định hành chính, giữa :

a. Cổ đông hay nhóm cổ đông với Công ty.

b. Cổ đông hay nhóm cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý khác.

2. Cách giải quyết :

- Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hoà giải. Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực hiện dẫn đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

- Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thì bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- Nếu không có quyết định hoà giải nào được trong vòng 06 tuần lễ, kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án giải quyết.

- Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thương lượng hoà giải. Các chi phí khi đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án giải quyết phán quyết bên nào thì bên đó chịu.

Chương XI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 61: Điều khoản thi hành và sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Công ty chính thức hoạt động kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thành lập đã làm các thủ tục sau đây :

a. Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty hoặc có Công ty tài chính bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại.

b. Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

c. Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ .

d. Đã giao quyền quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị.

e. Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

g. Điều lệ này áp dụng trong toàn Công ty.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

a. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

b. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty

Điều 62: Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty

1. Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a. Điều lệ Công ty; sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ Công ty; sổ đăng ký cổ đông .

b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh của Công ty; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm.

c. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d. Biên bản họp, báo cáo, quyết định, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; kết luận của cơ quan Thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập và các văn bản khác của các phòng, ban trong Công ty .

e. Sổ kế toán, chứng từ kế toán; Báo cáo tài chính hằng năm;

f. Các tài liệu khác có liên quan đến Công ty cũng như các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty cổ phần phải lưu giữ các tài liệu được quy định tại khoản 1 điều này ở trụ sở chính của Công ty; Thời hạn lưu giữ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 63: Ngày hiệu lực và đăng ký Điều lệ

1. Ngày hiệu lực.

Bản điều lệ này gồm 11 chương 63 điều, được sửa đổi, bổ sung lần 02, thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 tổ chức chính thức vào ngày 17 tháng 04 năm 2009; bổ sung lần thứ 5 tại ĐH ĐCĐ thường niên năm 2014, bổ sung lần thứ 6 tại ĐH ĐCĐ thường niên năm 2015 và cùng chấp thuận có hiệu lực toàn văn của bản Điều lệ này.

2. Đăng ký Điều lệ.

Điều lệ được thành lập 8 bản có giá trị như nhau, trong đó :

+ 01 Bản tại phòng đăng ký kinh doanh- Sở kế hoạch đầu tư.

+ 07 Bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hay trích bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Công ty ký mới có giá trị

Huế, ngày 09 tháng 03 năm 2016

**CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã Ký)

TRẦN CHÍNH

MỤC LỤC
Điều Lệ Tổ Chức Và Hoạt Động
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng-Giao Thông Thừa Thiên Huế

		<i>Trang</i>
	Phần mở đầu	1
Chương I	Những quy định chung	2
Điều 1	Giải thích từ ngữ	
Chương II	Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi Nhánh, Thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 2	Tên và hình thức Công ty	
Điều 3	Trụ sở, chi nhánh và địa bàn hoạt động	2
Điều 4	Tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động	2
Điều 5	Mục tiêu, ngành nghề, phạm vi kinh doanh của Công ty	3
Điều 6	Nguyên tắc tổ chức và điều hành Công ty	3
Điều 7	Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty	3 4
Chương III	Vốn-Cổ phần-Cổ phiếu-Cổ đông	4
Mục 1	Vốn	4
Điều 8	Vốn điều lệ	4
Mục 2	Cổ phần-Cổ phiếu	4
Điều 9	Cổ phần	4
Điều 10	Hình thức cổ phiếu	5
Điều 11	Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 12	Thừa kế cổ phần	5
Điều 13	Phát hành cổ phiếu	5
Điều 14	Thu hồi cổ phần	6
Mục 3	Cổ đông	6
Điều 15	Quy định chung về cổ đông	6
Điều 16	Quyền lợi của cổ đông	7
Điều 17	Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 18	Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	8
Chương IV	Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty	8
Mục 1	Quyền hạn của Công ty	8
Điều 19	Quyền quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty	8
Điều 20	Quyền quản lý tài chính của Công ty	9
Mục 2	Nghĩa vụ của Công ty	9
Điều 21	Nghĩa vụ sản xuất kinh doanh của Công ty	9
Điều 22	Nghĩa vụ quản lý tài chính Công ty	9
Chương V	Tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát	10
Điều 23	* Cơ cấu tổ chức	10
Mục 1	Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 24	Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 25	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 26	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 27	Điều kiện, thể thức tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 28	Việc uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 29	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	13
Mục 2	Hội đồng quản trị	13
Điều 30	Hội đồng quản trị	13
Điều 31	Điều kiện đề cử, ứng cử và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 32	Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 33	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	14

Điều 34	Chủ tịch Hội đồng quản trị	16
Điều 35	Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị	16
Điều 36	Hoạt động của Hội đồng quản trị	16
Điều 37	Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị	17
Mục 3	Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc	17
Điều 38	Tổ chức bộ máy quản lý	17
Điều 39	Tổng giám đốc	18
Điều 40	Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc	18
Điều 41	Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	18
Điều 42	Uỷ quyền, uỷ nhiệm	19
Điều 43	Các trường hợp mất tư cách	19
Điều 44	Thư ký Công ty	19
Mục 4	Ban kiểm soát	19
Điều 45	Ban kiểm soát	19
Điều 46	Điều kiện đề cử, ứng cử và tiêu chuẩn Kiểm soát viên	20
Điều 47	Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	20
Điều 48	Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách Kiểm soát viên	20
Điều 49	Quyền hạn và nhiệm vụ của các Ban Kiểm soát	21
Chương VI	Các chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động	21
Điều 50	Chế độ và quyền lợi của người lao động	21
Chương VII	Hạch toán, lập và trích các loại quỹ	21
Điều 51	Năm tài chính	21
Điều 52	Lập và trích các loại quỹ	22
Điều 53	Trả cổ tức	22
Điều 54	Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	22
Chương VIII	Kiểm toán Công ty	22
Điều 55	Kiểm toán	22
Chương IX	Quản lý và sử dụng con dấu	23
Điều 56	Con dấu	23
Chương X	Chấm dứt hoạt động, thanh lý và giải quyết tranh chấp nội bộ	23
Điều 57	Chấm dứt hoạt động	23
Điều 58	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	23
Điều 59	Thanh lý	23
Điều 60	Giải quyết tranh chấp nội bộ	24
Chương XI	Điều khoản thi hành và các quy định khác	24
Điều 61	Điều khoản thi hành và sửa đổi, bổ sung Điều lệ	24
Điều 62	Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty	25
Điều 63	Ngày hiệu lực và đăng ký Điều lệ	25

